

M U C L U C

Trang

Lời mở đầu :

Chương I : Thị trường vàng và đôla ở Việt Nam trong cơ chế kinh tế mới.

A. Thị trường vàng, đôla trước và trong chuyển đổi cơ chế kinh tế (1979-1981 đến 3/1989).

I.- Khái quát một số nét cơ bản về thực trạng thị trường. 2

II.- Thực trạng thị trường, giá cả vàng và USD từ 1979-1981 đến 3/1989. 3

III.- Một số kết luận. 32

B. Thị trường vàng, USD trong giai đoạn cơ chế kinh tế mới đã và đang hình thành từ tháng 3/1989 đến nay.

I.- Khái quát một số nét cơ bản về cơ chế kinh tế trong giai đoạn. 39

II.- Thực trạng thị trường giá cả. 39

III.- Một số kết luận. 61

C. Kết luận và kiến nghị. 65

Chương II : Một số vấn đề cơ bản về thị trường vàng và đôla Mỹ.

I.- Một số đặc điểm về vàng, USD và thị trường. 74

II.- Một số vấn đề cơ bản. 78

III.- Một số vấn đề cơ bản về thị trường vàng. 84

1629

LỜI MỞ ĐẦU

Vàng và đôla Mỹ là một trong những ngoại hối quan trọng bậc nhất, không chỉ ở Việt Nam mà cả ở trên toàn thế giới. Trên thế giới, vàng và đôla Mỹ là hai loại tiền quan trọng, chủ yếu nhất. Chúng có thể làm phương tiện thanh toán bất cứ ở đâu, và làm phương tiện cất trữ của cải của bất cứ quốc gia nào, cá nhân nào.

Trong thời đại ngày nay, một đất nước có quan hệ kinh tế với thế giới không thể không có liên quan đến vàng và đôla Mỹ. Nền kinh tế Việt Nam đang trên con đường mở rộng quan hệ kinh tế với thế giới, vàng và đôla Mỹ càng trở nên quan trọng không phải chỉ đơn giản đó là chiếc cầu đầu tiên để đi ra bên ngoài mà còn thể hiện ở những hiểu biết mới mẻ về chúng khi vừa từ một chế độ kinh tế cũ ít có liên quan tới chúng. Việc nghiên cứu thị trường vàng và đôla Mỹ nhằm vạch ra thực trạng, những quy luật vận động có ý nghĩa thiết thực cho công cuộc quản lý, phát triển kinh tế đất nước. Khi đất nước đang chuyển từ một chế độ kinh tế kiểu cũ sang chế độ kinh tế mới được vận hành theo cơ chế thị trường, thị trường vàng và đôla Mỹ đã có những thay đổi có tính chất bước ngoặt, và phát triển rất mạnh mẽ. Một mặt để giúp vận dụng tốt, có hiệu quả thị trường vàng và đôla Mỹ cho công cuộc kinh doanh, phát triển kinh tế đất nước, mặt khác giúp hoàn thiện cơ chế kinh tế mới, quản lý tốt nền kinh tế đất nước, quản lý thị trường mà trong đó thị trường vàng, đôla đóng vai trò cực kỳ quan trọng, việc nghiên cứu một cách có hệ thống thị trường vàng và đôla ở Việt Nam trong cơ chế kinh tế mới là vô cùng cần thiết và cấp bách. Đề tài nghiên cứu này nhằm đáp ứng các yêu cầu trên. Đề tài không có tham vọng nghiên cứu, khảo sát toàn bộ lịch sử thị trường vàng và đôla ở Việt Nam, mà chỉ tập trung nghiên cứu thị trường trong thời kỳ chuyển đổi cơ chế kinh tế để từ đó thấy được những đặc điểm, quy luật vận động của nó, trên cơ sở đó có những kiến nghị, những giải pháp cho công tác quản lý, điều hành thị trường vừa phù hợp vừa có tác dụng tăng cường, củng cố sự hoạt động

của cơ chế kinh tế mới theo các mục tiêu của toàn bộ nền kinh tế do Đảng và Nhà nước vạch ra.

Đề tài cũng dành một số ít trang nhằm giới thiệu một số vấn đề cơ bản nhất của thị trường vàng, ngoại tệ đương đại trên thế giới với mục đích đối chiếu, đánh giá trình độ thị trường trong nước. Qua đó cũng gợi cho thấy xu hướng phát triển của thị trường trong nước để có thể hoà nhập với thị trường thế giới.

Mặc dù mong muốn là lớn nhưng trình độ còn ở chừng mực nhất định, vì vậy đề tài không tránh khỏi những thiếu sót. Tập thể tác giả nghiên cứu mong nhận được sự góp ý, đóng góp từ đông đảo độc giả để có thể hoàn thiện công trình trong những dịp khác.

Xin chân thành cảm ơn./.

TẬP THỂ TÁC GIẢ

Chương I

THỊ TRƯỜNG VÀNG VÀ ĐÓLA Ở VIỆT NAM TRONG CƠ CHẾ KINH TẾ MỚI.

Đến nay, cơ chế kinh tế vận hành nền kinh tế nước ta đã được Đảng và Nhà nước ta định hình rõ nét. Đó là "cơ chế kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa". Tuy vậy, để định hình được một cơ chế kinh tế đúng đắn bằng những kết quả ngày một tốt thu được trong điều hành, quản lý toàn bộ nền kinh tế đất nước như ngày hôm nay, nền kinh tế đất nước đã phải trải qua những thời kỳ gian khổ, vất vả, đầy thử thách và may mò trong việc tìm hướng đi mới, đúng đắn cho mình.

Nhìn lại quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế, có thể chia thành hai giai đoạn. Giai đoạn thứ nhất, bắt đầu từ những năm 1979-1981 cho đến đầu năm 1989, giai đoạn này nền kinh tế bắt đầu bước vào quá trình cải tổ, đổi mới, may mò để đi đến việc định hình một cơ chế kinh tế hoàn toàn mới. Giai đoạn thứ hai bắt đầu từ đầu năm 1989 cho đến nay, giai đoạn này, đất nước đã khẳng định cho mình một cơ chế kinh tế mới, đúng đắn và phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh của mình. Ở giai đoạn này, nền kinh tế đất nước, với một cơ chế kinh tế mới đã từng bước thu được những kết quả vững chắc, đầy khích lệ, dần đưa đất nước bước ra khỏi khủng hoảng và góp phần chủ yếu cho việc khẳng định tính đúng đắn của cơ chế kinh tế mới.

Nghiên cứu thị trường vàng, USD là nghiên cứu trên một bình diện hẹp của tổng thể toàn bộ thị trường Việt Nam. Vì lẽ đó, việc nghiên cứu không thể tách rời tiến trình đổi mới toàn bộ nền kinh tế, đổi mới cơ chế kinh tế. Ngoài ra, trong quá trình nghiên cứu, khảo sát thị trường vàng và USD, chúng tôi thấy rằng, những diễn biến, vận động của thị trường này hoàn toàn phù hợp với những thay đổi, những biến động trong quá trình đổi mới cơ chế kinh tế. Vì vậy, việc nghiên cứu thị trường vàng và USD cũng được chia thành hai giai đoạn : Giai đoạn 1 : từ 1979-1981 đến tháng 3/1989; Giai đoạn 2 : từ tháng 3/1989 đến nay.

A. THỊ TRƯỜNG VÀNG, USD TRƯỚC VÀ TRONG CHUYỂN ĐỔI
CƠ CHẾ KINH TẾ (1979-1981 ĐẾN THÁNG 3-1989)

I.- Khái quát một số nét cơ bản về thực trạng thị trường.

Xuất phát từ nguyên nhân trực tiếp là nền kinh tế ngày một sa sút, bội chi ngân sách ngày càng cao tới mức quá sức chịu đựng, trong khi đó các nguồn tài trợ từ bên ngoài giảm sút mạnh và đi đến chỗ gần như bị triệt tiêu, đã dẫn tới những áp lực đòi hỏi phải có những thay đổi lớn về các biện pháp quản lý nền kinh tế, khắc phục được những hậu quả, gánh nặng đang đè nặng lên nền kinh tế. Bắt nguồn từ những tư tưởng kinh tế từ Hội nghị Trung ương 6 (khoá VI tháng 9 năm 1979), Nghị quyết số 26 ngày 23/6/1980 đã mở đầu cho công cuộc cải cách với tư tưởng lớn là phải sửa đổi căn bản khâu phân phối lưu thông. Bắt đầu từ tháng 5/1981 công cuộc cải cách kinh tế được bắt đầu với sự mở màn là tổng điều chỉnh giá. Và hầu như liên tiếp trong các năm từ 1981 đến 1989 đều có các cuộc tổng điều chỉnh giá và tiếp theo (bắt đầu vào 1985) là cả lương và tiền.

Tuy nhiên, nhìn khái quát lại, các cuộc tổng điều chỉnh giá, lương trong giai đoạn này chủ yếu là nhằm khắc phục, loại bỏ bao cấp trong nền kinh tế, bởi lẽ nó được xem như là nguyên nhân trực tiếp gây ra gánh nặng cho ngân sách. Các cuộc tổng điều chỉnh giá-lương-tiền trong giai đoạn này có thể nói chưa làm thay đổi căn bản về chất của cơ chế kinh tế cũ. Giai đoạn này chỉ là sự tập dượt, thử thách và tìm tòi để đi đến sự thay đổi căn bản về cơ chế kinh tế được khẳng định trong giai đoạn sau. Tình hình kinh tế đất nước trong giai đoạn này in đậm bởi những cuộc tổng điều chỉnh giá-lương-tiền có thể rút ra một số đặc điểm lớn về toàn bộ nền kinh tế trong giai đoạn này như sau :

a) Các cuộc tổng điều chỉnh giá-lương-tiền đã làm bộc lộ những mâu thuẫn, mất cân đối lớn của nền kinh tế, biểu lộ qua sự biến động rất mạnh của giá cả tất cả các loại hàng

hoá, dịch vụ, qua sự bùng nổ của lạm phát phi mã. Vì lạm phát cao, đồng tiền giấy mất giá liên tục, nên giá cả, thị trường vàng nói riêng, những loại hàng hoá có giá trị có thể bảo tồn được giá trị (trước sự mất giá của tiền giấy) nói chung biến động càng mạnh.

b) Cơ chế kế hoạch, tập trung vẫn là cơ chế kinh tế của toàn bộ nền kinh tế. Như đã nói, các cuộc tổng điều chỉnh giá-lương-tiền trong giai đoạn này hầu như chỉ tập trung vào việc chống bao cấp, khắc phục tính phi kinh tế trong toàn bộ nền kinh tế, còn cơ chế vận hành kiểu phi kinh doanh vẫn không hề thay đổi. Vì lẽ đó thị trường vẫn chỉ được coi là sự biểu hiện mà chưa được coi là mục tiêu của các hoạt động kinh tế. Thị trường hàng hoá, dịch vụ nói chung, vàng, USD nói riêng trong giai đoạn này vẫn chịu sự chỉ đạo trực tiếp theo kiểu kế hoạch, tập trung, mặc dù đã/nhiều yếu tố "tự do", "tự phát" lúc này, lúc khác, nơi này, nơi khác.

c) Thị trường trong nước chưa hoà nhập với thị trường thế giới. Tình hình này một phần bắt nguồn từ cơ chế kinh tế chung, "tất cả do Nhà nước", phần khác do quan hệ kinh tế chưa được mở rộng sang các nước ngoài khu vực XHCN theo kiểu quan hệ thị trường trực tiếp. Thị trường vàng, ngoại tệ cũng trong bối cảnh như vậy. Quan hệ về cung, cầu, quan hệ về giá cả và đặc biệt là về phương thức hoạt động giữa thị trường trong nước và thị trường thế giới có sự khác nhau quá xa.

Những đặc điểm lớn trên đây đã chi phối thị trường vàng, USD cả về vận động diễn biến và cơ chế quản lý của Nhà nước.

II.- Thực trạng thị trường, giá cả vàng và USD từ 1979-1981 đến tháng 3/1989.

1/ Cơ chế, chế độ quản lý điều hành thị trường, giá cả của Nhà nước :

a) Về tư tưởng, quan điểm quản lý của Nhà nước đối với thị trường vàng, USD (thị trường ngoại hối).

Các tư tưởng, quan điểm về quản lý ngoại hối của Nhà nước được thể hiện rõ tại Điều lệ quản lý ngoại hối ban hành kèm theo Nghị định số 102/CP ngày 6/7/1963 của Hội đồng Chính phủ và Điều lệ quản lý ngoại hối của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành kèm theo Nghị định số 161/HDBT ngày 18/10/1988 của Hội đồng Bộ trưởng.

Về tư tưởng chung, các Điều lệ trên đều quy định Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện thống nhất quản lý Nhà nước về ngoại hối và kinh doanh ngoại hối. Chỉ có một thị trường ngoại hối duy nhất đó là thị trường tập trung ở hệ thống ngân hàng. Nếu như đối với các thị trường hàng hoá khác, có hai hệ thống thị trường là thị trường có tổ chức (do Nhà nước thống nhất quản lý) và thị trường tự do (theo cơ chế thị trường, giá cả theo quan hệ cung cầu) thì đối với thị trường ngoại hối trong suốt thời kỳ này, trên nguyên tắc chỉ có một thị trường duy nhất, đó là thị trường tập trung qua hệ thống ngân hàng.

Trong những năm 1985-1988, khi nền kinh tế lâm vào khủng hoảng cao độ với sự thiếu hụt trầm trọng của thu ngân sách với cái gọi là nạn "chảy máu vàng và ngoại tệ", tư tưởng chỉ đạo có những thay đổi đáng kể để nhằm thu hút ngoại hối từ bên ngoài vào. Tại Điều lệ quản lý ngoại hối ban hành kèm theo Nghị định số 161/HDBT ngày 18/10/1988 đã chính thức cho phép mọi tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước được mang vào đất nước số lượng không hạn chế về ngoại hối và được bán lại cho ngân hàng hoặc lưu giữ (tại ngân hàng) hoặc rút ra để sử dụng khi cần thiết, thay vì chỉ được lưu giữ một khối lượng ít ỏi, có giới hạn và phải "kết hối" ngoại tệ lại cho Nhà nước như quy định tại Điều 15, 16 Quyết định số 177/HDBT ngày 15/6/1985 của Hội đồng Bộ trưởng.

b) Về cơ chế quản lý :

Xuất phát từ quan điểm Ngân hàng quản lý thống nhất ngoại hối và tăng cường thu hút ngoại hối vào quỹ tập trung của Nhà nước, cơ chế kết hối ngoại tệ đã được bãi bỏ thay bằng cơ chế mua bán qua thị trường. Thị trường theo nghĩa có mua, có bán được chính thức ra đời. Tuy nhiên thị trường này vẫn chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Nhà nước. Theo quy định tại Điều lệ quản lý ngoại hối ban hành ngày 18/10/1988 thì tất cả các tổ chức kinh tế, cá nhân có thu, chi ngoại hối đều phải hoặc bán lại hoặc ký gửi tại hệ thống ngân hàng. Việc bán lại ngoại hối cho ngân hàng được quy định như là nghĩa vụ bắt buộc. Tất cả các tổ chức, cá nhân không được phép trao đổi ngoại hối cho nhau một cách trực tiếp mà phải thông qua ngân hàng.

Điểm cần lưu ý là về giá cả. Trong giai đoạn này, giá cả mua bán giữa ngân hàng và khách hàng vẫn là giá cả do Nhà nước quy định.

Để khuyến khích việc chuyển ngoại hối vào Việt Nam, Nhà nước đã mở các cửa hàng đặc biệt, bán hàng hoá thu ngoại tệ cho các đối tượng có nguồn thu ngoại tệ chính đáng. Tại Quyết định số 32/CP ngày 31/1/1980 của Hội đồng Chính phủ đã quy định rõ điều này.

Như vậy, có thể khái quát về tư tưởng, quan điểm và cơ chế quản lý thị trường trong giai đoạn này bằng một số nét khái quát như sau :

- Chỉ công nhận và cho phép một thị trường hoạt động, đó là thị trường tập trung qua hệ thống ngân hàng.

- Cơ chế quản lý theo kiểu tập trung, chỉ huy, giá cả được định đoạt từ một trung tâm. Thị trường mới chỉ bao hàm ý nghĩa giản đơn là nơi để bán để ký gửi và để rút ra, mà chưa bao hàm ý nghĩa là nơi bộc lộ các quan hệ kinh tế, quan hệ trao đổi, mua bán để từ đó bộc lộ một quan hệ vô cùng quan trọng của thị trường là quan hệ cung-cầu. Để từ đó làm cơ sở xác định giá cả.

- Có một số khuyến khích nhằm thu hút ngoại hối vào đất nước. Nhưng những khuyến khích này cũng chỉ là những biện pháp kỹ thuật về kinh tế (như mở cửa hàng thu ngoại tệ với giá ưu đãi, cộng thêm một tỷ lệ khuyến khích vào giá khi bán ngoại hối cho ngân hàng) mà chưa phải là những giải pháp chiến lược, thay đổi bản chất về thị trường.

2/ Thực trạng diễn biến thị trường giá cả :

Mặc dù về mặt quản lý Nhà nước đã có những quy định cụ thể về hoạt động, quản lý đối với thị trường vàng và USD, song trên thực tế, diễn biến lại khác nhiều.

a) Về thị trường : Như đã nói ở trên, trong giai đoạn này, Nhà nước chỉ thừa nhận có duy nhất một thị trường ngoại hối, đó là thị trường tập trung qua hệ thống ngân hàng với các quy định quản lý tập trung, chặt chẽ, được vận động theo kế hoạch được vạch ra trước (xem Điều lệ quản lý ngoại hối của nước CHXHCN Việt Nam ban hành kèm theo Nghị định số : 161/HĐBT ngày 18/10/1988 của Hội đồng Bộ trưởng). Tuy nhiên trên thực tế thị trường tập trung qua hệ thống ngân hàng đã dần thoát khỏi quỹ đạo vận động do Nhà nước vạch ra và thoát khỏi sự quản lý của Nhà nước và thị trường "ngầm" theo kiểu tự do theo cơ chế thị trường, giá cả theo quan hệ cung cầu vẫn hình thành và phát triển.

Thị trường tập trung qua hệ thống ngân hàng : việc đi ra ngoài quỹ đạo và thoát ra khỏi tầm kiểm soát của Nhà nước đối với thị trường này, được biểu hiện qua một số điểm chính sau :

+ Về quy định nộp, bán và gửi ngoại hối thu được của các đơn vị, tổ chức, cá nhân tại hệ thống ngân hàng đã không được thực hiện nghiêm chỉnh. Có rất nhiều trường hợp không gửi ngoại tệ thu được vào ngân hàng mà tùy tiện giữ lại, thậm chí nguy hại hơn là gửi ở ngân hàng nước ngoài để lấy lãi mà không được phép và không báo cáo cho ngân hàng.

+ Về quy định nghiêm cấm trao đổi, lưu thông ngoại hối ngoài phạm vi ngân hàng cũng không được thực hiện nghiêm túc.

Các trường hợp giữ lại ngoại hối (không nộp không bán, không gửi ở ngân hàng) như đã nói, hoặc là gửi ở ngân hàng nước ngoài hoặc trao đổi, mua bán với nhau hoặc là dùng góp vốn liên doanh, liên kết. Có thể nói đây chính là một nguồn quan trọng, đóng góp vào dung lượng của thị trường "ngầm" sẽ nói tới sau đây.

+ Vì thoát ra khỏi tầm kiểm soát của ngân hàng như vậy nên việc tôn trọng mục đích sử dụng ngoại hối do ngân hàng quy định, lẽ đương nhiên cũng không được thực hiện. Tại Chỉ thị của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng số 308/CT ngày 30/10/89 về việc tăng cường quản lý ngoại hối đã nhấn mạnh là có nhiều trường hợp sử dụng ngoại tệ không đúng mục đích, sử dụng rất lãng phí.

+ Hệ thống công ty, cửa hàng kinh doanh vàng bạc thuộc ngân hàng chính thức ra đời và hoạt động theo Quyết định số 41/NH-QĐ ngày 04/4/1978 của Tổng giám đốc Ngân hàng Nhà nước. Tính đến năm 1988-1989 Ngân hàng Nhà nước đã có 38 công ty và hai cửa hàng kinh doanh vàng bạc cấp tỉnh, thành phố (chưa tính các đơn vị mới phân chia : Phú Khánh, Nghĩa Bình, Bình Trị Thiên) và công ty kinh doanh vàng bạc Trung ương với hàng trăm cửa hàng huyện, thị xã trực thuộc công ty. Ngoài hệ thống công ty, cửa hàng thuộc hệ thống Ngân hàng Nhà nước, còn có các cửa hàng trực thuộc chính quyền địa phương, công ty vàng bạc địa phương, hợp tác xã tín dụng. Nhìn chung hệ thống công ty, cửa hàng loại này về mặt nghiệp vụ, tiền vốn, kỹ thuật và khả năng kinh doanh rất non yếu, về mặt quản lý Nhà nước cũng bị buông lỏng, không thống nhất. Mặc dù tại Chỉ thị số 40/NH-CT ngày 9/5/1987 Tổng giám đốc Ngân hàng Nhà nước quy định : Công ty là đơn vị kinh doanh hạch toán kinh tế độc lập và cửa hàng là đơn vị trực thuộc công ty hạch toán kế toán, nhưng mặt khác hệ thống này còn phải làm nhiệm vụ chi phối ổn định thị trường. Trong bối cảnh như vậy, hệ thống công ty, cửa hàng loại này chưa thể thật sự hoàn toàn kinh doanh theo cơ chế thị trường một cách thật sự được, thị trường non yếu là lẽ dễ hiểu.